

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu:

1. Tên Công trình: Cải tạo sửa chữa tường rào, cầu bến, thay mái tôn và chống thấm sê nô mái nhà kho I2, I3, I4, dây chằng bảo vệ các cột thu lôi chống sét tại các kho I2, I3, I4, K10, K11, nhà làm việc - Điểm kho Trà Nóc.

2. Người quyết định đầu tư: Cục Dự trữ Nhà nước.

3. Chủ đầu tư: Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực XV.

4. Mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư sửa chữa:

* Mục tiêu:

+ Đáp ứng nhu cầu cũng như yêu cầu của công tác dự trữ hàng hóa - giữ gìn số lượng trong quá trình lưu kho.

+ Đáp ứng trước mắt nhu cầu sửa chữa chống thấm dột, hư hỏng sê nô nhà kho.

+ Tăng cường khả năng bảo quản an toàn hàng hóa DTQG, tăng tuổi thọ công trình bảo vệ công trình và góp phần tăng mỹ quan chung cho toàn bộ tổng thể Điểm kho Dự trữ Trà Nóc.

* Quy mô của công trình:

+ Nhà kho I2: diện tích 1.440m²

+ Nhà kho I3: diện tích 1.440m²

+ Nhà kho I4: diện tích 1.440m²

+ Nhà kho K10: diện tích 864m²

+ Nhà kho K11: diện tích 864m²

+ Nhà làm việc: diện tích 366m²

+ Cầu tàu: diện tích 37m²

+ Hàng rào loại B: chiều dài 129,34m

+ Hàng rào loại C: chiều dài 186,9m

+ Hàng rào loại D: chiều dài 165,53m

* Quy mô sửa chữa:

- Nhà kho I2:

+ Tháo dỡ, làm mới tole cách nhiệt (tôn-pu-giấy bạc cách nhiệt), chiều dày tole nền 0.55mm

+ Tháo dỡ, làm mới tole phẳng mạ kẽm dày 0.55mm úp nóc và diềm mái

+ Phá dỡ lớp láng sê nô hiện trạng, phá dỡ lớp trát hiện trạng thành trong sê nô mái, láng mới lớp vữa XM M100 đáy sê nô, trát vữa XM M75 thành trong sê nô, quét dung dịch chống thấm sê nô mái CT-11A (hoặc tương đương)

+ Cạo bỏ lớp sơn cũ thành ngoài và đáy sê nô; không bả, sơn hoàn thiện 3 nước

+ Lắp dựng lan can sắt và cửa sắt hộp đầu hồi

+ Làm mới giằng mái tole

+ Thay mới giằng cáp chống sét

- Nhà kho I3:

+ Tháo dỡ, làm mới tole cách nhiệt (tôn-pu-giấy bạc cách nhiệt), chiều dày tole nền 0.55mm

+ Tháo dỡ, làm mới tole phẳng mạ kẽm dày 0.55mm úp nóc và diềm mái

+ Làm mới giằng mái tole

+ Thay mới giằng cáp chống sét

- Nhà kho I4:

+ Tháo dỡ, làm mới tole cách nhiệt (tôn-pu-giấy bạc cách nhiệt), chiều dày tole nền 0.55mm

+ Tháo dỡ, làm mới tole phẳng mạ kẽm dày 0.55mm úp nóc và diềm mái

+ Phá dỡ lớp láng sê nô hiện trạng, phá dỡ lớp trát hiện trạng thành trong sê nô mái, láng mới lớp vữa XM M100 đáy sê nô, trát vữa XM M75 thành trong sê nô, quét dung dịch chống thấm sê nô mái CT-11A (hoặc tương đương)

+ Cạo bỏ lớp sơn cũ thành ngoài; không bả, sơn hoàn thiện 3 nước

+ Lắp dựng lan can sắt và cửa sắt hộp đầu hồi

+ Làm mới giằng mái tole

+ Thay mới giằng cáp chống sét

- Nhà kho K10 + K11 + Nhà làm việc:

+ Thay mới giằng cáp chống sét

- Hàng rào loại B (chiều dài 129,34m):

+ Phá dỡ cột, tường rào hiện trạng

+ Làm mới cột BTCT và hàng rào xây tường dày 100, trát vữa XM M75, sơn hoàn thiện 3 nước.

- Hàng rào loại C (chiều dài 186,9m):

+ Phá dỡ vết nứt tường hiện trạng (10% khối lượng tường)

+ Trát mới vữa XM M75 (10% khối lượng tường)

+ Sơn hoàn thiện 3 nước (10% khối lượng tường)

- Hàng rào loại D (chiều dài 165,53m):

+ Phá dỡ vết nứt tường hiện trạng

+ Trát mới vữa XM M75

+ Sơn hoàn thiện 3 nước

- Cầu tàu:

+ Phá dỡ tường xây gạch hiện trạng

+ Làm đan BTCT lõi ra cầu tàu

+ SXLD tấm chắn nước bằng thép hộp mạ kẽm kết hợp tấm inox 304

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng: Công ty TNHH Xây dựng Ngân Tiên Phát.

6. Địa điểm xây dựng: Đường số 4, Khu công nghiệp Trà Nóc I, phường Thới An Đông, TP Cần Thơ.

7. Loại công trình: Công trình công nghiệp; Cấp công trình: Cấp III.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: 1 bước; Áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế hiện hành của pháp luật quy định.

9. Giá trị dự toán xây dựng công trình: **3.494.525.874 đồng**

10. Tiến độ thực hiện: Năm 2026

11. Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước.

12. Hình thức quản lý dự án: Thuê tư vấn Quản lý dự án.

2. Thời hạn hoàn thành: 120 ngày.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành công trình: 120 ngày

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

1. Yêu cầu về Quy định kỹ thuật

Quy định kỹ thuật yêu cầu rằng tất cả hàng hóa và vật tư được sử dụng trong Công trình đều mới, chưa từng qua sử dụng, thuộc thế hệ mới nhất, đã đưa vào tất cả các cải tiến về thiết kế và vật liệu trừ khi được quy định khác đi trong hợp đồng.

Quy chuẩn và tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng

Quy chuẩn xây dựng Việt Nam ban hành theo QĐ 682/BXD ngày 14/12/1996;

TCVN 4419-1987: Khảo sát xây dựng. Nguyên tắc cơ bản;

TCVN 2748-1991: Phân cấp công trình xây dựng. Nguyên tắc chung;

TCVN 5593-2012: Công trình xây dựng. Sai số hình học cho phép;

TCVN 2737 : 2023: Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế.

TCVN 9379 : 2012: Kết cấu xây dựng và nền – Nguyên tắc cơ bản về tính toán.

TCVN 9361 : 2012: Công tác nền móng – Thi công và nghiệm thu.

TCVN 4506 : 2012: Nước trộn bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật.

TCVN 5574 : 2018: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế.

TCVN 8828 : 2011: Bê tông – Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên.

QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

TCVN 9377-2012: Công tác hoàn thiện trong công trình xây dựng – Thi công và nghiệm thu.

TCVN 5898-1995: Bản vẽ xây dựng và công trình dân dụng. Bảng thống kê cốt thép;

TCVN 4086-1985: An toàn điện trong xây dựng;

TCVN 4314-2003: Vữa xây dựng. Yêu cầu kỹ thuật;

Và các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm khác có liên quan.

2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát

2.1 Tổ chức quản lý chất lượng Xây lắp công trình:

Quản lý chất lượng Xây lắp công trình bao gồm các hoạt động quản lý chất lượng của nhà thầu Xây lắp; giám sát Xây lắp công trình và nghiệm thu công trình xây dựng của chủ đầu tư; giám sát tác giả của nhà thầu thiết kế xây dựng công trình.

Nhà thầu Xây lắp công trình phải có hệ thống quản lý chất lượng để thực hiện nội dung quản lý chất lượng Xây lắp công trình được quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và các thông tư hướng dẫn hiện hành.

2.2 Tổ chức kỹ thuật thi công của nhà thầu:

Được tổ chức thực hiện theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử)

Tất cả các vật liệu, cấu kiện xây dựng sử dụng vào công trình phải có mẫu, chứng nhận về chất lượng, gửi đến TVGS, chủ đầu tư để kiểm tra sau đó mới được sử dụng vào thi công.

*** Chất lượng vật liệu:**

- Chất lượng vật liệu theo hướng dẫn trong E-HSMT, hồ sơ thiết kế.

- Nhân hiệu, mã hiệu, xuất xứ... hàng hóa nêu trong E-HSMT (nếu có) chỉ mang tính tham khảo và minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa, nhà thầu có thể dự thầu hàng hóa của hãng khác. Trường hợp nhà thầu dự thầu có nhân hiệu khác so với E-HSMT thì nhà thầu phải đảm bảo hàng hóa dự thầu có đặc tính kỹ thuật, có tính năng sử dụng tương đương hoặc tốt hơn với các hàng hóa yêu cầu. - “Tương đương” có nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương với các hàng hóa đã nêu trên.

- Vật liệu sử dụng phải nêu rõ tên hãng sản xuất, nhân hiệu, các tiêu chuẩn chất lượng ưu tiên các vật liệu của nhà cung cấp đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

*** Kiểm tra chất lượng:**

- Trước khi cung cấp vật liệu đến công trường, nhà thầu phải cung cấp các chứng

chỉ cần thiết của Nhà sản xuất chứng minh các chỉ tiêu đạt yêu cầu thiết kế, HSMT, cam kết trong hồ sơ dự thầu và của Hợp đồng để tư vấn giám sát và chủ đầu tư xem xét, chấp thuận. Nhà thầu phải đảm bảo chất lượng vật liệu đúng mẫu thử.

- Sau khi vận chuyển đến chân công trình, lấy mẫu thử theo từng lô. Số lượng mẫu trên 1 lô theo quy định của TCVN. Mỗi chứng chỉ phải có các thông tin như: Địa chỉ của nhà thầu, tên công trình và địa điểm, lô hàng cung cấp cho công trường, số lượng mẫu, thời gian cung cấp, cơ quan thí nghiệm, địa chỉ của phòng thí nghiệm và thời gian của các thí nghiệm trong báo cáo, người thí nghiệm, ký tên và đóng dấu.

- Những vật liệu hiện nay tiêu chuẩn Việt Nam còn căn cứ vào các tiêu chuẩn nước ngoài thì thí nghiệm theo tiêu chuẩn cam kết của Nhà sản xuất vật liệu đó.

- Nếu kết quả thí nghiệm không đạt yêu cầu thì tư vấn giám sát và chủ đầu tư sẽ từ chối không cho thi công. Nhà thầu phải thay thế lô vật liệu khác. Chi phí do nhà thầu chịu.

- Phương pháp lấy mẫu theo chỉ định của tư vấn giám sát và chủ đầu tư.

* Khi cần thiết tư vấn giám sát và chủ đầu tư sẽ lấy mẫu độc lập để thuê một đơn vị kiểm định khác kiểm tra.

* Chỉ dẫn của các nhà cung cấp:

- Khi bốc dỡ, vận chuyển, xếp đóng, bảo quản, cố định hay lắp đặt, nhà thầu phải tuân theo đúng các chỉ dẫn của nhà cung cấp. Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm nắm vững chỉ dẫn này vào trước thời gian đặt hàng.

* Vật liệu bị hư hỏng hay có khiếm khuyết:

- Nếu có vật liệu bị hư hỏng hay có khiếm khuyết gì thì phải xếp đóng riêng có đánh dấu, báo cáo cho tư vấn giám sát và chủ đầu tư.

Nếu có thể sửa tại chỗ, phải được sự thống nhất ý kiến của tư vấn giám sát và chủ đầu tư. Nếu không thể khắc phục, tư vấn giám sát và chủ đầu tư sẽ yêu cầu chuyển ngay ra khỏi công trường.

4. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt

- Công tác xây dựng trong phạm vi gói thầu được thực hiện theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, tiên lượng và các quy định về điều kiện kỹ thuật thi công.

- Nhà thầu phải tìm hiểu các điều kiện về hiện trường để có biện pháp thi công phù hợp, không làm ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

- Nhà thầu phải xem xét mặt bằng hiện trạng để đưa ra giải pháp mặt bằng thi công và sơ đồ tổ chức hiện trường một cách phù hợp nhất với điều kiện thi công.

5. Yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn

- Nhà thầu phải cung cấp các mẫu thí nghiệm kể cả vật liệu và các sản phẩm đã hoàn tất mà không có thêm một chi phí nào của chủ đầu tư. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí cho công việc thực hiện các thí nghiệm cần thiết để hoàn thành công trình. Các chi phí này phải bao gồm toàn bộ chi phí liên quan.

- Trong trường hợp chủ đầu tư yêu cầu thí nghiệm và các thí nghiệm này được

thực hiện bởi bên thứ ba và ở bất kỳ một địa điểm nào khác ngoài hiện trường hoặc tại địa điểm sản xuất và làm vật liệu thí nghiệm thì chủ đầu tư phải trả các chi phí thí nghiệm. Khi kết quả thí nghiệm mà bên thứ ba thực hiện chỉ ra rằng vật liệu mà nhà thầu sử dụng không phù hợp với các quy định của tài liệu hợp đồng thì nhà thầu phải chịu các chi phí thí nghiệm đó.

6. Yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng, chống cháy, nổ

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, huấn luyện và kiểm tra việc thực hiện các quy định đã ban hành về ATVSLĐ và PCCN nhằm hạn chế tai nạn lao động xảy ra, đồng thời giúp người lao động nhận thức rõ quyền và trách nhiệm của mình khi tham gia xây lắp.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về tổ chức mặt bằng thi công tại các công trường xây dựng và yêu cầu về an toàn điện khi xây lắp. Các biện pháp đảm bảo an toàn, nội quy về an toàn phải được phổ biến và công khai trên công trường để mọi người biết và chấp hành.

- Nhà thầu xây lắp công trình có trách nhiệm thành lập mạng lưới và bộ phận quản lý công tác an toàn lao động trên công trường; đồng thời quy định cụ thể công việc thực hiện và trách nhiệm đối với những cá nhân quản lý công tác an toàn lao động trong quá trình thi công.

- Những người tham gia xây lắp trên công trường phải được khám sức khỏe, huấn luyện về an toàn và được cấp phát đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân theo quy định.

- Máy, thiết bị thi công có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ phải được kiểm định, đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo quy định thì mới được phép hoạt động trên công trường. Khi hoạt động, máy và thiết bị thi công phải tuân thủ quy trình, biện pháp đảm bảo an toàn.

7. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công

7.1 Nhà thầu phải có biểu đồ huy động nhân lực, xe máy phục vụ thi công công trình đảm bảo tiến độ đặt ra và chất lượng theo yêu cầu.

8. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục

8.1 Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục công trình.

9. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu

9.1 Lập hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với yêu cầu, tính chất, quy mô công trình xây dựng, trong đó quy định trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận xây lắp công trình trong việc quản lý chất lượng công trình xây dựng;

9.2 Thực hiện các thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng và lắp đặt vào công trình xây dựng theo tiêu chuẩn và yêu cầu thiết kế;

9.3 Lập và kiểm tra thực hiện biện pháp thi công, tiến độ thi công;

9.4 Lập và ghi nhật ký thi công theo quy định;

9.5 Kiểm tra an toàn lao động, vệ sinh môi trường bên trong và bên ngoài công trường;

9.6 Nghiệm thu nội bộ và lập bản vẽ hoàn công cho bộ phận công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng và công trình xây dựng hoàn thành;

9.7 Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường Xây lắp theo yêu cầu của chủ đầu tư;

9.8 Chuẩn bị tài liệu làm căn cứ nghiệm thu theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP về Quản lý chất lượng công trình xây dựng và lập phiếu yêu cầu chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu.

10. Yêu cầu về công tác bảo hành:

- Nhà thầu phải có trách nhiệm bảo hành công trình theo đúng quy định của E-HSMT và theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng.

10. Yêu cầu khác

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công việc do mình đảm nhận; bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu không đúng chủng loại, thi công không bảo đảm chất lượng hoặc gây hư hỏng, gây ô nhiễm môi trường và các hành vi khác gây ra thiệt hại cho bên thứ ba.

IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây:

STT	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản/ngày phát hành
1	BVTC: 01/35	HÌNH ẢNH VỆ TINH	T4/2026
2	BVTC: 02/35	MẶT BẰNG TỔNG THỂ (HIỆN TRẠNG)	T4/2026
3	BVTC: 03/35	- MB TRỆT KHO I2 - MĐ TRỤC 1-16 KHO I2 (HIỆN TRẠNG)	T4/2026
4	BVTC: 04/35	- MB MÁI KHO I2 - CHI TIẾT KẾT CẤU KHO I2 (HIỆN TRẠNG)	T4/2026
5	BVTC: 05/35	- MĐ TRỤC 1-16 KHO I2 - MĐ TRỤC G-A VÀ A-G (HIỆN TRẠNG)	T4/2026
6	BVTC: 06/35	- MB TRỆT KHO I3 - MĐ TRỤC 1-16 KHO I3 (HIỆN TRẠNG)	T4/2026

7	BVTC: 07/35	- MB MÁI KHO I3 - CHI TIẾT KẾT CẤU KHO I3 (HIỆN TRẠNG)	T4/2026
8	BVTC: 08/35	- MĐ TRỤC 1-16 KHO I3 - MĐ TRỤC G-A VÀ A-G (HIỆN TRẠNG)	T4/2026
9	BVTC: 09/35	- MB TRỆT KHO I4 - MĐ TRỤC 1-16 KHO I4 (HIỆN TRẠNG)	T4/2026
10	BVTC: 10/35	- MB MÁI KHO I4 - CHI TIẾT KẾT CẤU KHO I4 (HIỆN TRẠNG)	T4/2026
11	BVTC: 11/35	- MĐ TRỤC 1-16 KHO I4 - MĐ TRỤC G-A VÀ A-G (HIỆN TRẠNG)	T4/2026
12	BVTC: 12/35	- MB MÁI KHO I10 - CHI TIẾT DÂY CÁP (HIỆN TRẠNG)	T4/2026
13	BVTC: 13/35	- MB MÁI KHO I11 - CHI TIẾT DÂY CÁP (HIỆN TRẠNG)	T4/2026
14	BVTC: 14/35	- MB MÁI NHÀ LÀM VIỆC - CHI TIẾT DÂY CÁP (HIỆN TRẠNG)	T4/2026
15	BVTC: 15/35	- CHI TIẾT HÀNG RÀO LOẠI B (HIỆN TRẠNG)	T4/2026
16	BVTC: 16/35	- CHI TIẾT HÀNG RÀO LOẠI C - CHI TIẾT HÀNG RÀO LOẠI D - CHI TIẾT CẦU TÀU (HIỆN TRẠNG)	T4/2026
17	BVTC: 17/35	- MẶT BẰNG TỔNG THỂ (CẢI TẠO)	T4/2026
18	BVTC: 18/35	- MB TRỆT KHO I2 - MĐ TRỤC 1-16 KHO I2 (CẢI TẠO)	T4/2026
19	BVTC: 19/35	- MB MÁI KHO I2 - CHI TIẾT KẾT CẤU KHO I2 (CẢI TẠO)	T4/2026
20	BVTC: 20/35	- MB THÉP GIẰNG MÁI (CẢI TẠO)	T4/2026
21	BVTC: 21/35	- MĐ TRỤC G-A VÀ A-G	T4/2026

		- CHI TIẾT CỬA, LAN CAN (CẢI TẠO)	
22	BVTC: 22/35	- MB TRỆT KHO I3 - MĐ TRỤC 1-16 KHO I3 (CẢI TẠO)	T4/2026
23	BVTC: 23/35	- MB MÁI KHO I3 - CHI TIẾT KẾT CẤU KHO I3 (CẢI TẠO)	T4/2026
24	BVTC: 24/35	- MB THÉP GIẰNG MÁI KHO I3 (CẢI TẠO)	T4/2026
25	BVTC: 25/35	- MĐ TRỤC 1-16 KHO I3 - MĐ TRỤC G-A VÀ A-G (CẢI TẠO)	T4/2026
26	BVTC: 26/35	- MB TRỆT KHO I4 - MĐ TRỤC 1-16 KHO I4 (CẢI TẠO)	T4/2026
27	BVTC: 27/35	- MB MÁI KHO I4 - CHI TIẾT KẾT CẤU KHO I4 (CẢI TẠO)	T4/2026
28	BVTC: 28/35	- MB THÉP GIẰNG MÁI KHO I4 (CẢI TẠO)	T4/2026
29	BVTC: 29/35	- MĐ TRỤC G-A VÀ A-G - CHI TIẾT CỬA, LAN CAN (CẢI TẠO)	T4/2026
30	BVTC: 30/35	- MB MÁI KHO I10 - CHI TIẾT DÂY CÁP (CẢI TẠO)	T4/2026
31	BVTC: 31/35	- MB MÁI KHO I11 - CHI TIẾT DÂY CÁP (CẢI TẠO)	T4/2026
32	BVTC: 32/35	- MB MÁI NHÀ LÀM VIỆC - CHI TIẾT DÂY CÁP (CẢI TẠO)	T4/2026
33	BVTC: 33/35	- CHI TIẾT HÀNG RÀO LOẠI B (CẢI TẠO)	T4/2026
34	BVTC: 34/35	- CHI TIẾT HÀNG RÀO LOẠI B (CẢI TẠO)	T4/2026
35	BVTC: 35/35	- CHI TIẾT HÀNG RÀO LOẠI C - CHI TIẾT HÀNG RÀO LOẠI D - CHI TIẾT CẦU TÀU (CẢI TẠO)	T4/2026